

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN CHÁNH ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ 2 (2024-2025)
TỔ NGOẠI NGỮ

MÔN TIẾNG ANH 10 (Căn bản)- UNIT 6, 7, 8 SÁCH GLOBAL SUCCESS

HÌNH THỨC: TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN

THỜI GIAN: 50 PHÚT LÀM BÀI + 10 PHÚT NÓI

NỘI DUNG

A. LANGUAGE

1. Grammar

- Câu bị động đối với động từ khiếm khuyết
- So sánh hơn và so sánh nhất
- Mệnh đề quan hệ xác định và không xác định

2. Vocabulary

Các từ vựng đã học theo chủ điểm:

- Gender equality
- Viet Nam and international organisations
- New ways to learn

B. READING

1. Cloze test

Học sinh đọc một đoạn văn về một trong 3 chủ đề Gender equality, Viet Nam and international organisations, New ways to learn có độ dài khoảng 120 từ và chọn từ, cụm từ, mệnh đề, câu để điền vào chỗ trống

- Giới từ
- Từ vựng
- Hình thức ngữ pháp trong mệnh đề
- Cụm từ đã học trong SGK
- Ngữ pháp đã học ở Unit 6 7 8

2. Reading comprehension

Học sinh đọc một văn bản có độ dài khoảng 200 từ về một trong 3 chủ đề Gender equality, Viet Nam and international organisations, New ways to learn.

- Hiểu được nghĩa của từ trong ngữ cảnh để tìm từ đồng nghĩa/ trái nghĩa
- Hiểu được nội dung của câu để tìm câu cùng nghĩa.
- Nhận biết thông tin chi tiết CÓ / KHÔNG CÓ trong văn bản
- Nhận biết nghĩa của đại từ qui chiếu
- Hiểu được nội dung của đoạn văn, bài văn để chọn câu tóm tắt tương ứng
- Hiểu được nội dung văn bản để tìm ra được ý chính, chủ đề, tiêu đề, nguồn của văn bản.

C. WRITING

1. Dialogue / letter/ paragraph arrangement

Sắp xếp đoạn văn / lá thư / đoạn hội thoại theo trật tự đúng(dạng câu hỏi trắc nghiệm)

2. Sentence transformation

Biến đổi câu đã cho thành một câu mới bằng cách sử dụng các cấu trúc ngữ pháp đã học (dạng câu hỏi trắc nghiệm)

3. Thematic writing Viết một đoạn văn có độ dài khoảng 100-120 từ có gợi ý về:

- Gender equality

Should boys and girls share housework equally? Why or why not?

Hints:

- Traditional views on housework and gender roles
- Why it is important (or not) for boys and girls to share housework
- Your personal opinion and examples from real life

- Viet Nam and international organisations

How can English help Vietnamese students to be global citizens?

Hints:

- The importance of English in communication, education, and career opportunities
- How English helps students connect with people from different countries

- The role of English in accessing international scholarships, exchange programs, and global events
- How English allows students to engage with international organizations like UNICEF, WHO, or ASEAN
- Your personal opinion

- New ways to learn

Have you ever used online learning? How has it changed the way you study?

Hints:

- Your personal experience with online learning (e.g., learning English, revising for exams, watching educational videos)
- What is different between online learning and traditional learning?
- How online learning has helped you improve your studies (e.g., finding useful materials, studying at your own pace)
- Your personal opinion

D. LISTENING:

1. Nghe một đoạn độc thoại/ hội thoại từ 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan và trả lời câu hỏi T/F
2. Nghe một đoạn độc thoại / hội thoại từ 1.5-2 phút và điền thông tin còn thiếu vào chỗ trống/ MCQ

E. SPEAKING:

Học sinh thực hiện 1 bài nói (khoảng 2 phút) về một trong các chủ đề đã học:

- Gender equality
- Viet Nam and international organisations
- New ways to learn

BÀI TẬP THAM KHẢO

I - WRITING

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct arrangement of the sentences to make a meaningful paragraph/letter in each of the following questions.

Question 1:

- a. Gender equality is an important issue in many countries.
- b. In the past, women had fewer opportunities in education and jobs.
- c. However, things have changed, and now both men and women can achieve success.
- d. Many organizations work hard to promote equal rights for everyone.
- e. Gender equality benefits society as a whole.

A. a - b - c - d - e B. b - a - d - c - e C. a - b - d - c - e D. b - a - c - d - e

Question 2:

- a. Learning English has become more convenient thanks to technology.
- b. In the past, students had to attend physical classes to learn English.
- c. Nowadays, there are many online platforms that provide English courses.
- d. These platforms allow learners to study anytime and anywhere.
- e. As a result, students can improve their skills more efficiently.

A. a - b - c - d - e B. b - a - d - c - e C. a - b - d - e - c D. b - a - c - d - e

Choose the sentence which has the closest meaning to the original one.

Question 3:

My brother is taller than all of his classmates.

- A. My brother is the tallest student in his class.
- B. My brother is more tall than his classmates.
- C. My brother is as tall as his classmates.
- D. My brother is not as tall as his classmates.

Question 4:

Men and women should share household chores equally.

- A. Household chores should be shared equally between men and women.
- B. Household chores should be shared only by women.
- C. Only men should do household chores.
- D. Men should avoid doing household chores.

II - READING

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions

In recent years, gender equality has become a key topic in society. Many countries are taking steps to ensure that both men and women have equal opportunities in education, employment, and daily life. For example, in Vietnam, government policies have encouraged women to pursue higher education and enter fields that were traditionally dominated by men. This shift has led to more balanced workplaces and a better understanding of the skills that both genders bring to the table.

However, challenges remain, especially in rural areas where traditional views about gender roles are still strong. Many families continue to believe that women should prioritize household responsibilities over career ambitions. Despite these obstacles, many organizations and community programs are working together to promote gender equality. They organize workshops, public discussions, and educational programs to raise awareness about the benefits of equality. These efforts not only empower women but also encourage men to share domestic tasks and childcare responsibilities.

Ultimately, achieving gender equality can lead to a more harmonious society where everyone has the chance to succeed and contribute to their community. This progress, however, is a gradual process that requires continuous commitment from both the government and society as a whole. By embracing change, communities can build a future where gender does not limit one's potential.

Question 5: What is the main idea of the passage?

- A. Gender equality creates a more balanced and harmonious society.
- B. Rural areas are resistant to changes in gender roles.
- C. Government policies are the only solution for gender equality.
- D. Women should always prioritize household duties.

Question 6: According to the passage, what significant change has occurred in Vietnam?

- A. Women are now discouraged from pursuing higher education.
- B. Government policies encourage women to enter fields traditionally dominated by men.
- C. Men have taken over most household tasks.
- D. Rural families have completely abandoned traditional gender roles.

Question 7: Which of the following methods is mentioned as a way to promote gender equality?

- A. Increasing military training for women.
- B. Organizing workshops and public discussions.
- C. Reducing the number of schools in rural areas.
- D. Limiting career opportunities for men.

Question 8: In the context of the passage, the word "harmonious" most nearly means:

- A. Confusing
- B. Peaceful
- C. Competitive
- D. Isolated

Question 9: The passage implies that gender equality benefits society by:

- A. Empowering only women to succeed.
- B. Creating balanced workplaces and encouraging shared responsibilities at home.
- C. Enforcing traditional roles in every family.
- D. Eliminating the need for community programs.

Choose the correct answer A, B, C or D to complete the passage

Online learning has rapidly changed the educational landscape for many Vietnamese students. In recent years, schools have adopted digital platforms (10) _____ provide live lectures, interactive assignments, and immediate feedback. This method not only allows students to study at their own pace but also gives them access to resources that might not be available in local schools. Students can review recorded lessons (11) _____ review challenging concepts or prepare for exams. Compared (12) _____ conventional methods, online learning encourages self-discipline and independent thinking. However, some students find it difficult (13) _____ adapt to online learning because they miss face-to-face interaction with teachers and peers. Ultimately, online education is expected to continue growing (14) _____

Question 10:

- A. that allow students to access live lectures, interactive assignments, and immediate feedback
- B. whom allow students to access live lectures, interactive assignments, and immediate feedback
- C. who they allow students to access live lectures, interactive assignments, and immediate feedback
- D. whose allow students to access live lectures, interactive assignments, and immediate feedback

Question 11:

- A. when they need to
- B. when they needed to
- C. when they will need to
- D. when they be need to

Question 12: A. to B. with C. than D. against

Question 13: A. “to adapt to online learning” B. “adapting to online learning”
C. “for them adapting to online learning” D. “than adapt to online learning”

Question 14:

- A. because of it has already proven to engage students effectively
- B. as many educators have observed its numerous advantages
- C. since it have been shown to improve academic performance
- D. given that it are more flexible than traditional methods

Read the passage and choose the correct answer A, B, C, or D to each of the questions

In recent decades, Vietnam has actively participated in various international organizations to foster its development and integrate into the global community. One of the key steps in this process has been improving education and communication skills among Vietnamese youth. International organizations such as UNICEF, UNESCO, and the World Health Organization have collaborated with the government to launch programs aimed at enhancing educational quality, healthcare services, and economic development. For example, UNICEF has supported initiatives to improve school facilities and provide teacher training, which has led to higher student performance and increased global competitiveness. Additionally, Vietnam’s involvement in ASEAN and other regional bodies has opened up new opportunities for cultural exchange, trade, and political cooperation. These interactions not only help improve the country’s infrastructure and social services but also encourage learning international languages, particularly English. Moreover, the government has implemented policies to ensure that the benefits of **these** collaborations reach even remote areas, further bridging the gap between urban and rural communities. Overall, Vietnam’s active engagement with international organizations has accelerated its modernization process and contributed to a better quality of life for its citizens, despite challenges such as resource limitations and regional disparities.

Question 15:

Based on the passage, what is one key benefit of Vietnam’s involvement with international organizations?

- A. Improved traditional agricultural practices
- B. Enhanced education quality and teacher training
- C. Increased military support and funding
- D. Promotion of traditional cultural festivals

Question 16: The word “collaborated” in the passage is closest in meaning to:

- A. worked together
- B. competed with
- C. argued with
- D. isolated from

Question 17: Which of the following fields is NOT mentioned as an area of support provided by international organizations in Vietnam?

- A. Education
- B. Healthcare
- C. Economic development
- D. Military training

Question 18: The word “these” in the last paragraph refers to:

- A. the government policies
- B. the international collaborations
- C. the cultural exchanges
- D. the educational programs

Question 19: What is the best title for the passage?

- A. Vietnam’s Journey Toward Modernization
- B. The Role of International Organizations in Vietnam’s Development
- C. Challenges in Bridging the Urban-Rural Divide
- D. Enhancing Traditional Practices in Vietnam

LỚP 10 CHUYÊN – UNIT 6, 7, 8 (SGK 10)- CHUYÊN SÂU
HÌNH THỨC: TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN
THỜI GIAN: 60 PHÚT+10 PHÚT SPEAKING

NỘI DUNG

A. LANGUAGE

1. Phonology

- Phát âm của từ vựng trong Unit 6,7,8 SGK GLOBAL SUCCESS và sách GATEWAY TO THE WORLD B2+
- Dấu nhấn của từ có 2, 3 âm tiết

2. Grammar

- Passive voice with modals
- Comparative and Superlative adjectives
- Relative Clauses
- Subjunctives
- Connectors
- Articles
- Inversion

3. Vocabulary: Các từ vựng đã học theo chủ điểm:

- Gender Equality
- Vietnam and International Organizations
- New ways to learn
- Ideal home (Accommodation)
- Try it, buy it (Advertising and selling, prefixes and suffixes)

B. READING

1. Cloze test

Một đoạn văn về một chủ đề đã học trong SGK từ bài 6 đến bài 8 có độ dài khoảng 120 từ. Chọn từ, cụm từ, mệnh đề, câu cho sẵn điền vào chỗ trống trong đoạn văn.

2. Reading comprehension

Một văn bản có độ dài khoảng 200 từ về những chủ đề đã học trong SGK từ bài 6 đến bài 8.

- Hiểu được nghĩa của từ trong ngữ cảnh để tìm từ đồng nghĩa/ trái nghĩa
- Hiểu được nội dung của câu để tìm câu cùng nghĩa.
- Nhận biết thông tin chi tiết CÓ / KHÔNG CÓ trong văn bản
- Nhận biết nghĩa của đại từ qui chiếu
- Hiểu được nội dung của đoạn văn, bài văn để chọn câu tóm tắt tương ứng
- Phân tích chọn vị trí của câu văn được trích từ bài đọc.
- Phân tích chọn đoạn văn có chứa thông tin được trích ra từ bài đọc.
- Hiểu được nội dung văn bản để tìm ra được ý chính, chủ đề, tiêu đề, nguồn của văn bản.

C. WRITING

1. Letter/ dialogue/ paragraph arrangement:

- Sắp xếp đoạn văn / lá thư theo trật tự đúng(dạng câu hỏi trắc nghiệm)

2. Sentence transformation

- Biến đổi câu đã cho thành một câu mới bằng cách sử dụng các cấu trúc ngữ pháp đã học (dạng câu hỏi trắc nghiệm)

3. Paragraph writing

- Viết một đoạn văn 120-150 từ về một trong các chủ đề sau:
 - Gender Equality
 - Vietnam and International Organizations

D. LISTENING

- Nghe và hiểu đoạn đọc thoại hay hội thoại liên quan những chủ đề đã học trong sách giáo khoa từ bài 6 đến bài 8 để làm các dạng bài:
 - Câu hỏi trắc nghiệm A,B,C,D (Multiple Choice)
 - Câu hỏi Đúng-Sai (True-False Statements)

PRACTICE 1

Read the following advertisement and mark the letter A, B, C and D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6

Advancements and Challenges in Gender Equality in Vietnam

Gender equality in Vietnam has been a topic of significant discussion in recent years. Women, (1) _____ by various policies, are now playing a more prominent role in the workforce. With laws ensuring equal pay and protection against discrimination, the government aims (2) _____ fairness. However, challenges persist in rural areas where (3) _____ are still deeply ingrained. Many women have been seen overcoming these obstacles, (4) _____ access to education and career opportunities. Efforts are continually made to encourage women to break free (5) _____ stereotypes and pursue their aspirations. The notion of "equal opportunities" is slowly becoming more widespread, though more (6) _____ is needed for full equality.

- Câu 1.** A. which empowered B. empowered C. was empowered D. empowering
Câu 2. A. to promoting B. promote C. to promote D. to be promoted
Câu 3. A. traditional gender roles B. traditional roles gender C. gender traditional roles D. roles traditional gender
Câu 4. A. coming B. getting C. catching D. gaining
Câu 5. A. in B. at C. from D. for
Câu 6. A. activity B. action C. active D. Actively

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

Gender Equality in Vietnam: Progress and Challenges

□(7)_____ the government's policies, gender equality in Vietnam has seen significant improvement in recent years. Women's empowerment is at the forefront of these changes. (8) _____ key factor is the role of education in promoting equal opportunities.

□The (9) _____ of women entering higher education and securing leadership positions has steadily increased. However, the battle for equal pay and equal representation (10) _____, as the gender pay gap persists in many sectors.

□Social (11) _____ often limit women's opportunities, especially in rural areas. Despite this, efforts to encourage female participation in all fields are strengthening, and the government remains committed to closing the (12) _____ gap.

- Câu 7.** A. According to B. Irrespective of C. On account of D. Thanks to
Câu 8. A. Others B. Other C. The others D. Another
Câu 9. A. maximine B. majority C. number D. amount
Câu 10. A. goes on B. looks for C. stands by D. thinks over
Câu 11. A. practices B. norms C. experiences D. skills
Câu 12. A. generation B. gender C. life D. assessment

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Câu 13.

a. Mai: Yes, I have. I've attended workshops on women's rights and gender equality. I also try to inspire other girls to be more confident in their work and life.

b. Mai: Hi Minh! Long time no see. You look so confident and strong!

c. Minh: Hi Mai! Thanks. You look really active too. Have you been involved in any gender equality activities recently?

- A. b-a-c B. b-c-a C. c-b-a D. a-b-c

Câu 14.

a. Lan: They help raise awareness about gender issues and encourage people to support equality.

b. Lan: I'm going to organize workshops on women's empowerment.

c. Mai: I think organizing workshops might be difficult because of the costs. I'm not sure if I could do that.

d. Mai: How do you plan to promote gender equality in your community?

e. Mai: Why workshops?

- A. c-d-e-a-b B. c-e-d-b-a C. d-b-a-e-c D. d-b-e-a-c

Câu 15.

Hi Clara,

- a. It was interesting to start reading it.
 - b. I also appreciate the list of online resources on gender equality — they seem more useful than the ones I've seen before.
 - c. It's really inspiring to read about how women are making a difference, but right now I'm focusing on my work, so I'll read it later.
 - d. I was thinking it would be great if we could go through these resources together sometime. What do you think?
 - e. Thanks so much for sending me the book on feminism last week.
- Looking forward to your reply.

Lucas

A. d-b-a-c-e

B. e-c-a-b-d

C. a-d-b-c-e

D. a-c-d-b-e

Câu 16.

- a. While presentations and meetings are important, I enjoy seeing the positive impact of our programs on employees.
- b. For the past year, I have worked with companies to help them improve gender balance in the workplace.
- c. I'm very satisfied with my job, as it allows me to combine my expertise with my commitment to gender equality.
- d. My passion for gender equality inspired me to become a consultant in diversity and inclusion.
- e. Working remotely gives me the opportunity to connect with global clients while maintaining a flexible schedule.

(Adapted from *Bright*)

A. d-b-e-a-c

B. a-b-c-d-e

C. b-c-d-a-e

D. c-a-d-b-e

Câu 17.

- a. As a result, more women are pursuing careers in fields like engineering, where they were once underrepresented.
- b. However, despite these efforts, women still face barriers when it comes to promotion opportunities in some industries.
- c. Over the past decade, gender equality has gained more attention in policy-making.
- d. Many governments are now implementing laws that require businesses to ensure equal pay for men and women.
- e. These policies have led to a more balanced workforce and helped raise awareness about women's rights.

A. c-a-e-b-d

B. d-c-a-b-e

C. d-e-a-b-c

D. c-d-e-a-b

Read the following passage about gender equality and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

Gender equality has been a key issue for many years, and significant progress has been made in recent decades. (18) _____ and are actively participating in sectors such as politics, education, and business. However, challenges still remain, particularly in terms of equal pay and representation in leadership roles. (19) _____, the gender pay gap persists, and women are still underrepresented in top management roles. Women (20) _____, regardless of their gender. Achieving this requires not only changes in laws but also a shift in societal attitudes towards gender roles. Many organizations are working tirelessly to close the gender gap, (21) _____, advocating for policy changes, and providing women with the resources to succeed in their careers. Fighting for gender equality is crucial, as it empowers women and (22) _____. In the future, it is hoped that gender equality will be achieved globally, and women will no longer face barriers limiting their potential.

(Adapted from the New York Times)

Câu 18.

A. Women now have more opportunities than ever before

B. Women with more opportunities than ever before now have

C. Women now having more opportunities than ever before

D. Women have more opportunities now than before ever.

Câu 19.

A. Because many women holding high-ranking positions

B. Since many women hold high-ranking positions

C. Consequence many women hold high-ranking positions

D. Although many women hold high-ranking positions

Câu 20.

- A. must be given equally opportunities to succeed
- B. can be given equality opportunities to succeed
- C. should be given equal opportunities to succeed**
- D. might be given equal opportunities to succeeding

Câu 21.

- A. in which included offering mentorship programs
- B. which includes offering mentorship programs**
- C. whose have included offering mentorship programs
- D. what include offering mentorship programs

Câu 22.

- A. takes society by unlocking the full potentially of its people
- B. brings society by unlocking the fully potential of its people
- C. controls society by unlocking the full potential of it's people
- D. benefits society by unlocking the full potential of its people**

Read the following passage about Gender Equality in Vietnam and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.

Vietnam has made significant strides in promoting gender equality in recent years. Women in Vietnam now have access to better education and employment opportunities than ever before. The government has implemented policies to reduce gender discrimination in the workplace and increase female participation in leadership roles. However, challenges still exist. In many rural areas, traditional gender roles remain strong, and women continue to face **barriers** in areas such as land ownership and access to healthcare.

One of the key issues in Vietnam is the gender pay gap. Women, on average, earn less than men for doing the same work. While there have been improvements in the legal **framework**, the gap persists in many industries, especially in the private sector. The government has introduced measures to address this issue, but progress is slow.

In the political sphere, Vietnam has seen an increase in female representation. **Women now make up a significant portion of the National Assembly**, and there is growing awareness of the importance of gender-balanced decision-making. Nevertheless, women are still underrepresented in **their** high-ranking political positions.

To promote gender equality further, many NGOs and international organizations are working with local communities to challenge traditional gender norms and promote women's rights. Technology is also playing an increasing role in raising awareness and empowering women. Through digital platforms, women are connecting, sharing experiences, and advocating for change.

(Adapted from vietnamesenews)

Câu 23. Which of the following is NOT mentioned as an area where gender equality is being promoted in Vietnam?

- A. Education
- B. Employment opportunities
- C. Political representation
- D. Sports**

Câu 24. The word "**barriers**" in paragraph 1 is OPPOSITE in meaning to

- A. Support
- B. Obstacles
- C. Restrictions
- D. Opportunities**

Câu 25. The word "**their**" in paragraph 2 refers to

- A. Women**
- B. Policies
- C. The government
- D. Measures

Câu 26. The word "**framework**" in paragraph 2 could be best replaced by

- A. Structure**
- B. Barrier
- C. Law
- D. System

Câu 27. Which of the following best paraphrases the underlined sentence "**Women now make up a significant portion of the National Assembly**" in paragraph 3?

- A. A substantial proportion of the National Assembly is now comprised of women.**
- B. The number of women in politics has decreased.
- C. Women have less representation in the National Assembly.
- D. The National Assembly is dominated by men.

Câu 28. Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. The gender pay gap in Vietnam no longer exists.
- B. Women are now more likely to hold high-ranking political positions than men.
- C. The government is addressing gender inequality with legal measures.**

D. Women are equally represented in the National Assembly.

Câu 29. In which paragraph does the writer discuss a specific issue woman face in rural areas?

A. Paragraph 1

B. Paragraph 2

C. Paragraph 3

D. Paragraph 4

Câu 30. In which paragraph does the writer explore the role of modern technology in promoting gender equality?

A. Paragraph 1

B. Paragraph 2

C. Paragraph 3

D. Paragraph 4

Read the following passage about Gender Equality in Vietnam and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.

[I] Gender equality in Vietnam has **made significant strides** over the past few decades, especially in urban areas. [II] The government has implemented policies aimed at closing the gender gap in education, health, and employment. [III] However, many challenges remain, particularly in rural areas where traditional gender roles are more deeply ingrained. [IV] Despite improvements, women in Vietnam continue to face discrimination in the workplace, unequal access to leadership positions, and limitations in their economic opportunities.

The primary drivers of gender inequality in Vietnam include cultural norms and economic barriers. Women are often expected to take on the majority of household duties, limiting their time and energy to pursue careers. In rural areas, these traditional expectations are even more pronounced, with many women **relegated** to agricultural labor or domestic work. On the other hand, urban areas offer better opportunities for women in terms of education and employment, though the gender pay gap remains substantial.

Efforts to promote gender equality in Vietnam must address both societal attitudes and structural barriers. For instance, the government needs to strengthen laws ensuring equal pay for equal work and improve access to affordable childcare, particularly in rural regions. Moreover, there is a growing need to **empower** women through leadership training programs and increase their representation in political and economic decision-making.

Ultimately, **gender equality is not only a matter of fairness but also of national development**. Ensuring that women have equal opportunities to contribute to society benefits the economy and fosters a more just and prosperous nation.

Câu 31. Where in paragraph 1 does the following sentence best fit?

"Efforts to promote gender equality in Vietnam have been underway for years, but significant challenges persist."

A. [I]

B. [II]

C. [III]

D. [IV]

Câu 32. The phrase "**make significant strides**" in paragraph 1 could best be replaced by ____.

A. face challenges

B. achieve considerable progress

C. encounter difficulties

D. maintain status quo

Câu 33. The word "**relegated**" in paragraph 3 refers to ____

A. promoted

B. limited

C. trained

D. empowered

Câu 34. According to paragraph 2, which of the following is NOT a barrier to gender equality?

A. Cultural norms and traditional gender roles

B. Unequal access to education for women

C. Economic limitations on women's careers

D. Gender pay gap in urban areas

Câu 35. Which of the following best summarises paragraph 3?

A. Structural barriers must be tackled to ensure equal opportunities for women in the workplace.

B. The government's policies on gender equality should focus only on rural women.

C. Gender equality in Vietnam requires more women in leadership positions and equal pay.

D. Women's empowerment is less important than improving the economy in Vietnam.

Câu 36. The word "**empower**" in paragraph 3 is OPPOSITE in meaning to ____

A. limit

B. support

C. strengthen

D. encourage

Câu 37. Which of the following is TRUE according to the passage?

A. The government has fully succeeded in eliminating gender inequality in Vietnam.

B. There is no significant difference in gender equality between rural and urban areas in Vietnam.

C. Women in Vietnam still face challenges in leadership and economic opportunities.

D. Gender equality policies have been more effective in rural areas than in urban areas.

Câu 38. Which of the following best paraphrases the underlined sentence "**Gender equality is not only a matter of fairness but also of national development**" in paragraph 4?

A. Gender equality contributes to social justice and the growth of the nation.

B. Fairness and economic growth are irrelevant to the issue of gender equality.

C. Gender equality hinders the development of a prosperous nation.

D. National growth can occur without ensuring fairness for all genders.

Câu 39. Which of the following can be inferred from the passage?

A. Vietnam has fully closed the gender gap in all aspects of society.

B. There are significant differences in gender equality between urban and rural regions.

C. Women's roles in agriculture are less important than their roles in the economy.

D. Gender equality in Vietnam is solely dependent on government policies.

Câu 40. Which of the following best summarises the passage?

A. While gender equality in Vietnam has improved, it remains a complex challenge, especially in rural areas, requiring further action to address societal and economic barriers.

B. Gender equality in Vietnam is an issue that primarily affects urban areas and has limited importance in rural regions.

C. Vietnam's progress in gender equality has led to full economic and social inclusion of women, particularly in urban areas.

D. The gender gap in Vietnam can only be closed by addressing the legal and economic status of women in urban regions.

PRACTICE 2

Read the following advertisement and mark the letter A, B, C and D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6

Vietnam and International Organizations

Vietnam has been increasingly active in engaging with international organizations in recent years. As a member of organizations such as the United Nations, ASEAN, and the World Trade Organization, Vietnam plays an important role in (1) _____ cooperation and contributing to global peace and development. With its commitment to (2) _____ development, the country has implemented policies that align with international standards. (3) _____ in various global initiatives, Vietnam continues to work with international bodies to enhance (4) _____. Many international organizations have supported Vietnam in its efforts (5) _____ education and healthcare. Promoting cooperation between these organizations and the government has proven beneficial to both parties. Vietnam looks forward to further strengthening its partnerships (6) _____ international institutions.

Câu 1. A. improving

B. pushing

C. fostering

D. staying

Câu 2. A. sustainable

B. sustain

C. sustainably

D. sustainability

Câu 3. A. Which engaged

B. Engaged

C. Was engaged

D. Engaging

Câu 4. A. its economic progress and social

B. its economic and social progress

C. its economic and progress social

D. its progress economic and social

Câu 5. A. to be improved

B. to improving

C. improve

D. to improve

Câu 6. A. on

B. with

C. in

D. above

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

Vietnam and International Organizations: Global Cooperation

- Vietnam has increasingly become a key player in various international organizations, strengthening its role on the global stage. According to recent reports, the country's participation in organizations like the United Nations (UN) and ASEAN has contributed significantly to regional (7) _____.
- Vietnam and (8) _____ nations have collaborated on economic development, worked on environmental protection, and (9) _____ peacekeeping efforts. These collaborations have enhanced Vietnam's diplomatic presence worldwide, helping to foster stronger relations with both neighboring countries and global powers.
- The (10) _____ of agreements signed between Vietnam and international organizations has been steadily growing, reflecting mutual interests in sustainable (11) _____ and humanitarian assistance. (12) _____ these partnerships, Vietnam continues to improve its global reputation and contribute to global peace.

Câu 7. A. contribution

B. stability

C. control

D. evaluation

Câu 8. A. others

B. other

C. the others

D. another

Câu 9. A. participated in

B. went up

C. came up

D. stood by

Câu 10. A. maximine

B. majority

C. percentage

D. number

Câu 11. A. balance B. maintenance C. development D. investment

Câu 12. A. Thanks to B. Irrespective of C. On account of D. Due to

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Câu 13.

a. Nam: Yes, I've been working with Vietnam and other international organizations on environmental protection initiatives. It's been a rewarding experience!

b. Nam: Hi, Linda! It's great to see you again. How have you been?

c. Linda: Hi, Nam! I've been doing well, thanks. You seem so busy lately. Have you been involved in any international projects?

A. b-a-c

B. b-c-a

C. c-b-a

D. a-b-c

Câu 14.

a. Sue: They focus on renewable energy and environmental protection. It's very important for the future.

b. Sue: Vietnam has been working with other international organizations to implement green policies and fight climate change.

c. Alex: It sounds like Vietnam is really making a difference. I hope other countries follow their example.

d. Alex: How is Vietnam contributing to global sustainability?

e. Alex: That's great! What kind of projects are they focusing on?

A. c-d-e-a-b

B. c-e-d-b-a

C. d-b-a-e-c

D. d-b-e-a-c

Câu 15.

Hi David,

a. Still, the video was quite informative.

b. Also, I sincerely appreciate the recommendation for the free resources pertaining to the United Nations. These materials prove to be significantly more thorough and encompassing than those I have previously utilized.

c. Thanks for the video about Vietnam's involvement in the United Nations.

d. It's intriguing to observe Vietnam's contributions to global peace; however, my current focus is on my studies regarding environmental law.

e. We should catch up and talk about this sometime. What is your viewpoint?

Best,

Billy

A. d-b-a-c-e

B. c-d-a-b-e

C. a-d-b-c-e

D. a-c-d-b-e

Câu 16.

a. Although my job requires a lot of travel and time away from home, the impact we make in communities makes it all worth it.

b. Over the past two years, I have been involved in various community-based projects, working with local partners and international stakeholders.

c. Overall, I am proud to be part of an organization that not only values innovation but also prioritizes sustainable development in every aspect of its work.

d. My passion for global development and cross-cultural collaboration led me to a rewarding career at an international NGO in Vietnam.

e. The dynamic and diverse environment in the office keeps me motivated, and I'm constantly learning from my colleagues around the world.

(Adapted from *Bright*)

A. d-b-e-a-c

B. a-b-c-d-e

C. b-c-d-a-e

D. c-a-d-b-e

Câu 17.

a. This growth has attracted many international companies, especially in the fields of technology and finance, boosting the local economy.

b. As a result, Hanoi's population has increased by 20%, leading to more crowded streets and public transport systems.

c. Over the last decade, Hanoi has undergone significant changes.

d. Many old houses along streets like Hang Dao and Tran Quang Khai have been replaced by modern office buildings and hotels, signaling urbanisation.

e. However, despite this growth, Hanoi still lacks sufficient green spaces, with many residents calling for more parks and recreational areas.

A. c-a-e-b-d

B. d-c-a-b-e

C. d-e-a-b-c

D. c-d-a-b-e

Read the following passage about Vietnam's Collaboration with International Organizations for Sustainable Development and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

Vietnam has been working closely with various international organizations to promote sustainable development and improve living conditions for its citizens. (18) _____. One of the key organizations is the United Nations, (19) _____ aimed at improving education and healthcare in rural areas. These initiatives (20) _____, ensuring that progress continues in the coming years. For example, the recent cooperation between the Vietnamese government and the World Bank (21) _____, with specific projects aimed at reducing carbon emissions and enhancing renewable energy sources. In addition, such collaborations serve the purpose of creating stronger economic ties and fostering long-term stability in the region. Furthermore, (22) _____, challenges remain in implementing projects in remote regions, where infrastructure is often lacking. Therefore, it is crucial that both sides continue to work together to ensure effective and sustainable outcomes.

Câu 18.

- A.** These partnerships aim to tackle pressing issues such as climate change, poverty, and public health
- B.** These problems focus on brushing off challenging issues like health in the public, poverty and the change of climate
- C.** These collaborations play a negligible part in bringing changes for many people.
- D.** These changes is of no use regarding fields in life such as climate change, poverty, and public health for many people

Câu 19.

- A.** in which has been involved in several projects
- B.** involving in several projects
- C.** whose has been involved in several projects.
- D.** which has been involved in several projects

Câu 20.

- A.** can be supported by neither local governments nor international donors
- B.** must be supported by either local governments and international donors
- C.** will be supported by both local governments and international donors
- D.** should be supported by not only local governments but as well international donors

Câu 21.

- A.** asks after environmental sustainability
- B.** focuses on environmental sustainability
- C.** looks for environmental sustainability
- D.** differs from environmental sustainability

Câu 22.

- A.** because the cooperation between Vietnam and these organizations has been largely successfully
- B.** although the cooperation between Vietnam and these organizations have been largely successful
- C.** since the cooperation between Vietnam and these organization has been largely successful
- D.** while the cooperation between Vietnam and these organizations has been largely successful

Read the following passage about Vietnam and Other International Organizations and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.

Vietnam is an active member of many international organizations. As a member of the United Nations since 1977, Vietnam has worked on peacekeeping, humanitarian efforts, and international **cooperation**. It is also a member of the World Trade Organization (WTO), helping to improve **its** trade relations and economy by following international rules and standards.

One of the most important roles that Vietnam plays is in regional organizations. Vietnam is part of the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN), which promotes political, economic, and cultural cooperation among Southeast Asian countries. Vietnam's involvement in ASEAN has helped foster stability and growth in the region.

Vietnam also works closely with the Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC) forum, which connects countries from Asia and the Americas to discuss trade and economic issues. Through this cooperation, Vietnam has gained better access to international markets and improved its global economic **position**.

In recent years, Vietnam has increasingly engaged with environmental organizations. It has joined the Paris Agreement on climate change, showing its commitment to reducing carbon emissions and working on sustainable development with other countries. This collaboration is crucial for addressing global environmental challenges.

Câu 23. Which of the following is NOT mentioned as an international organization Vietnam is part of?

A. United Nations

B. ASEAN

C. APEC

D. African Union

Câu 24. The word “**cooperation**” in paragraph 1 is OPPOSITE in meaning to

A. discord

B. agreement

C. partnership

D. understanding

Câu 25. The word “**its**” in paragraph 1 refers to

A. Vietnam’s

B. economy’s

C. international rule’s

D. organization’s

Câu 26. The word “**position**” in paragraph 3 could be best replaced by

A. state

B. role

C. location

D. condition

Câu 27. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 2?

A. Vietnam has helped ASEAN with stability and economic development.

B. Vietnam’s participation in ASEAN has resulted in economic failure.

C. ASEAN has supported Vietnam’s development in political matters.

D. Vietnam has achieved stability through ASEAN’s economic practices.

Câu 28. Which of the following is TRUE according to the passage?

A. Vietnam is not a member of the WTO.

B. Vietnam has made trade relations with Asian countries through ASEAN.

C. Vietnam’s participation in APEC has decreased its economic position.

D. Vietnam has committed to reducing emissions through the Paris Agreement.

Câu 29. In which paragraph does the writer mention Vietnam’s efforts in global environmental matters?

A. Paragraph 1

B. Paragraph 2

C. Paragraph 3

D. Paragraph 4

Câu 30. In which paragraph does the writer explore Vietnam’s regional involvement?

A. Paragraph 1

B. Paragraph 2

C. Paragraph 3

D. Paragraph 4

Read the following passage about Vietnam’s Economic Growth and Key Organizations and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.

[I] Vietnam has experienced rapid economic development in recent years, becoming one of the fastest-growing economies in Asia. The country's growth is fueled by various factors, including foreign investments, industrialization, and the rise of the service sector. [II] Today, Vietnam’s economy is diversifying, with major sectors such as manufacturing, agriculture, and tourism playing significant roles. By 2030, experts predict that the country will continue to expand its economic influence in the region, especially with strong trade agreements and infrastructure development. [III] Several organizations in Vietnam **have been instrumental in** this growth, driving both local and international partnerships. [IV]

Among the most influential are the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI) and the Ministry of Industry and Trade (MOIT), which support businesses through policy-making, regulations, and international trade agreements. These organizations help streamline trade, attract foreign direct investments (FDI), and enhance the country’s global economic standing.

Vietnam’s rise has not come without challenges, however. For instance, the rapid industrialization has led to concerns about environmental **degradation**. Cities such as Hanoi and Ho Chi Minh City face pollution issues, and industries sometimes fail to comply with environmental standards. Moreover, urbanization has increased demand for housing and public services, which puts pressure on government resources. These challenges require careful attention and solutions **that** balance economic growth with sustainability.

To ensure long-term prosperity, **Vietnam will need to continue strengthening the roles of these key organizations** while addressing the social and environmental impacts of its growth.

Câu 31. Where in paragraph I does the following sentence best fit?

Vietnam has become one of the fastest-growing economies in Asia in recent years.

A. [I]

B. [II]

C. [III]

D. [IV]

Câu 32. The phrase “**has been instrumental in**” in paragraph 3 could be best replaced by ____.

A. has been a minor factor in

B. has played a key role in

C. has been a barrier to

D. has been indifferent to

Câu 33. The word “**that**” in paragraph 3 refers to ____.

A. foreign investment

B. industrial organization

C. solutions

D. organization

Câu 34. According to paragraph 1, which of the following is NOT a sector contributing significantly to Vietnam’s growth?

A. Manufacturing

B. Agriculture

C. Tourism

D. Technology

Câu 35. Which of the following best summarizes paragraph 3?

A. Vietnam's economic growth is causing severe environmental problems.

B. While Vietnam's growth is promising, challenges like pollution and housing shortages require solutions.

C. Key organizations like the VCCI and MOIT are primarily responsible for addressing environmental issues.

D. Industrialization has provided long-term sustainability for Vietnam's economy.

Câu 36. The word "**degradation**" in paragraph 3 is OPPOSITE in meaning to

A. growth

B. improvement

C. destruction

D. stagnation

Câu 37. Which of the following is TRUE according to the passage?

A. Vietnam's economy is primarily dependent on agriculture.

B. Key organizations are essential in supporting Vietnam's business sector.

C. Environmental issues are not significant in Vietnam's industrial growth.

D. The rise in tourism is not contributing to Vietnam's economic growth.

Câu 38. Which of the following best paraphrases the underlined sentence "**Vietnam will need to continue strengthening the roles of these key organizations**" in paragraph 4?

A. Vietnam must reduce the influence of key organizations to maintain balance.

B. Vietnam must persist in enhancing the functions of these vital organizations.

C. Key organizations must focus on strengthening their roles to benefit the economy.

D. Strengthening key organizations will help maintain the balance between growth and sustainability.

Câu 39. What can be inferred about the Vietnamese government's role in managing the country's economic growth?

A. The government prioritizes economic growth over environmental concerns.

B. The government must find ways to balance economic growth with sustainability.

C. Vietnam's government has already solved the challenges caused by industrialization.

D. The demand for housing and public services in Vietnam is decreasing.

Câu 40. Which of the following best summarizes the passage?

A. Vietnam's rapid economic development, fueled by strong organizations like VCCI and MOIT, faces challenges such as environmental degradation and housing shortages that need careful management.

B. The rise of Vietnam's economy is driven by foreign investments and manufacturing, with no concerns about pollution or housing.

C. Vietnam is experiencing rapid growth in tourism and agriculture, but the government faces difficulties in managing urbanization.

D. Economic development in Vietnam is a result of trade agreements, with no significant impact on environmental sustainability.